



181 / 164 / gói

**BỘ Y TẾ
CỤC QUẢN LÝ DƯỢC
ĐÃ PHÊ DUYỆT**
Lần đầu: 27/02/2019

Mặt trước

gn
du

BOSPHAGEL B

Hỗn dịch uống

Nhôm phosphat gel 20%...12,38 g

Mỗi gói 20 g chứa:
Nhôm phosphat gel 20%.....12,38 g
Tá dược vừa đủ cho.....1 gói

Bảo quản nơi khô, dưới 30°C, tránh ánh sáng
Chỉ định, cách dùng, chống chỉ định và các thông
tin khác: xem trong tờ hướng dẫn sử dụng
thuốc kèm theo.

ĐỀ XA TÂM TAY TRẺ EM
ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG
Tiêu chuẩn: TCCS
SDK/Reg.No.:



Cơ sở sản xuất

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BOSTON VIỆT NAM
Số 43, đường số 8, KCN Việt Nam-Singapore,
phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

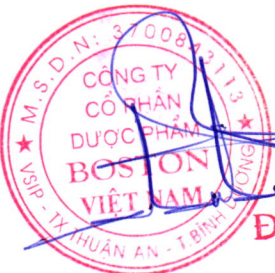
BOSPHAGEL B

Hỗn dịch uống

Nhôm phosphat gel 20%...12,38 g

Thuốc uống
Hộp 20 gói x 20 g

Số lô SX / Batch No.:
NSX / Mfg. Date:
HD / Exp. Date:



Đặng Minh Đức

▲ Qui cách: 128 x 120 x 54 mm

Thiết kế	P. KD (kiểu dáng)	P. QA (nội dung)



Mặt sau

BOSPAGEL B
Hộp 20 gói x 20 g
Box of 20 sachets x 20 g

Hộp dịch uống

BOSPAGEL B
Oral suspension

Aluminum phosphate gel 20%...12,38 g

Each 20 g sachet contains:
Aluminum phosphate gel 20%.....12,38 g
Excipients q.s. for 1 sachet
Store in a dry place, below 30°C, protect from light
Indications, administration, contraindications and
other information: see the package insert
KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN
READ CAREFULLY THE PACKAGE INSERT BEFORE USING
Specification: In-house



Manufacturer

BOSTON VIETNAM PHARMACEUTICAL JSC
No. 43, Street No.8, Vietnam-Singapore Industrial Park,
Binh Hoa Ward, Thuan An Town, Binh Duong Province

BOSPAGEL B

Oral suspension

Aluminum phosphate gel 20%...12,38 g

Oral route

Box of 20 sachets x 20 g



Đặng Minh Đức

▲ Qui cách: 128 x 120 x 54 mm

Thiết kế	P. KD (kiểu dáng)	P. QA (nội dung)



Mặt trước

BOSPHAGEL B

Nhôm phosphat gel 20%...12,38 g

Hỗn dịch uống

Mỗi gói 20 g chứa:
Nhôm phosphat gel 20%...12,38 g
Tá dược vừa đủ cho.....1 gói

Bảo quản nơi khô, dưới 30°C, tránh ánh sáng
Chỉ định, cách dùng, chống chỉ định và các thông
tin khác: xem trong tờ hướng dẫn sử dụng
thuốc kèm theo.

ĐỀ XA TÂM TAY TRẺ EM

ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG
Tiêu chuẩn: TCCS
SDK/Reg. No.:



Cơ sở sản xuất

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BOSTON VIỆT NAM

Số 43, đường số 8, KCN Việt Nam-Singapore,
phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

BOSPHAGEL B

Hỗn dịch uống

Nhôm phosphat gel 20%...12,38 g

Thuốc uống

Hộp 26 gói x 20 g



Số lô SX / Batch No.:
NSX / Mfg. Date:
HD / Exp. Date:

(Handwritten mark)



Đặng Minh Đức

▲ Qui cách: 128 x 120 x 64 mm

Thiết kế	P. KD (kiểu dáng)	P. QA (nội dung)
----------	-------------------	------------------



Mặt sau

BOSPHAGEL B
Hộp 26 gói x 20 g
Box of 26 sachets x 20 g

Hộp dịch uống

BOSPHAGEL B
Oral suspension
Aluminum phosphate gel 20%...12,38 g

Each 20 g sachet contains:
Aluminum phosphate gel 20%.....12,38 g
Excipients q.s. for1 sachet
Store in a dry place, below 30°C., protect from light
Indications, administration, contraindications and other information: see the package insert
KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN
READ CAREFULLY THE PACKAGE INSERT BEFORE USING
Specification: In-house



Manufacturer
BOSTON VIETNAM PHARMACEUTICAL JSC
No. 43, Street No.8, Vietnam-Singapore Industrial Park,
Binh Hoa Ward, Thuan An Town, Binh Duong Province

BOSPHAGEL B

Oral suspension
Aluminum phosphate gel 20%...12,38 g

Oral route
Box of 26 sachets x 20 g



Đặng Minh Đức

▲ Qui cách: 128 x 120 x 64 mm

Thiết kế	P. KD (kiểu dáng)	P. QA (nội dung)
----------	-------------------	------------------



Mặt trước

Hỗn dịch uống

BOSPHAGEL B

Nhôm phosphat gel 20%.....12,38 g

Mỗi gói 20 g chứa:
 Nhôm phosphat gel 20%.....12,38 g
 Tá dược vừa đủ cho..... 1 gói

Bảo quản nơi khô, dưới 30°C, tránh ánh sáng
 Chỉ định, cách dùng, chống chỉ định và các thông
 tin khác: xem trong tờ hướng dẫn sử dụng
 thuốc kèm theo.

ĐỀ XA TÂM TAY TRẺ EM
ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG
 Tiêu chuẩn: TCCS
 SDK/Reg.No.:



Cơ sở sản xuất

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BOSTON VIỆT NAM
 Số 43, đường số 8, KCN Việt Nam-Singapore,
 phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

BOSPHAGEL B

Hỗn dịch uống

Nhôm phosphat gel 20%...12,38 g

Thuốc uống

Hộp 30 gói x 20 g



Số lô SX / Batch No.:

NSX / Mfg. Date:

HD / Exp. Date:



Đặng Minh Đức

▲ Qui cách: 128 x 120 x 72 mm

Thiết kế	P. KD (kiểu dáng)	P. QA (nội dung)
----------	-------------------	------------------



Mặt sau

BOSPHAGEL B
Hộp 30 gói x 20 g
Box of 30 sachets x 20 g

Hòn dịch uống

Oral suspension

BOSPHAGEL B

Aluminum phosphate gel 20%.....12,38 g

Each 20 g sachet contains:
Aluminum phosphate gel 20%.....12,38 g
Excipients q.s. for1 sachet

Store in a dry place, below 30°C, protect from light
Indications, administration, contraindications and
other information: see the package insert

KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN
READ CAREFULLY THE PACKAGE INSERT BEFORE USING

Specification: In-house



Manufacturer

BOSTON VIETNAM PHARMACEUTICAL JSC

No. 43, Street No.8, Vietnam-Singapore Industrial Park,
Binh Hoa Ward, Thuan An Town, Binh Duong Province

BOSPHAGEL B

Oral suspension

Aluminum phosphate gel 20%...12,38 g

Oral route

Box of 30 sachets x 20 g



Đặng Minh Đức

▲ Qui cách: 128 x 120 x 72 mm

Thiết kế	P. KD (kiểu dáng)	P. QA (nội dung)
----------	-------------------	------------------



M.S.D.N: 370084310
 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BOSTON VIỆT NAM
 TX. THUẬN AN - TỈNH BÌNH DƯƠNG
Đặng Minh Đức

 Pantone 3282 C

▲ Qui cách: 60,5 x 114 mm

Thiết kế	P. KD (kiểu dáng)	P. QA (nội dung)

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC

BOSPHAGEL B

Đề xa tầm tay trẻ em

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng

THÀNH PHẦN

Mỗi gói hỗn dịch uống chứa

Thành phần hoạt chất:

Nhôm phosphat gel 20%..... 12,38 g

Thành phần tá dược:

Gôm xanthan, sorbitol lỏng, kali sorbat, sucrose, aspartam, bột hương vani (bao gồm: chất tạo mùi hương tự nhiên/nhân tạo, tinh bột ngô, colloidal silica), bột mùi bạc hà (bao gồm: các chất tạo hương tự nhiên, maltodextrin, dextrose, colloidal silica), glycerin.

DẠNG BÀO CHẾ

Hỗn dịch uống. Hỗn dịch màu trắng, mùi đặc trưng, đựng trong túi nhôm được hàn kín.

CHỈ ĐỊNH

Bosphagel B được chỉ định để: điều trị cơn đau, bỏng rát và tình trạng khó chịu do acid gây ra ở dạ dày hoặc thực quản.

CÁCH DÙNG VÀ LIỀU DÙNG

Cách dùng: Dùng bằng đường uống. Nên uống thuốc khi xuất hiện cơn đau hoặc theo hướng dẫn của bác sĩ.

Liều dùng:

Liều thông thường: 1 – 2 gói x 2 – 3 lần/ngày.

Thời gian điều trị: Dùng hơn 6 gói mỗi ngày thường không đem lại lợi ích gì thêm. Nếu triệu chứng không giảm với liều 6 gói mỗi ngày thì nên hỏi ý kiến bác sĩ.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH

Các trường hợp mẫn cảm với nhôm phosphat hoặc với bất kỳ thành phần nào của thuốc.
Suy thận nặng.

CẢNH BÁO VÀ THẬN TRỌNG KHI DÙNG THUỐC

Tránh điều trị liều cao lâu dài ở người bệnh suy thận.

Nếu điều trị thuốc kháng acid trong vòng 2 tuần mà không đỡ các triệu chứng như đầy bụng, ợ nóng, ợ chua thì phải đi khám bệnh.

Nếu táo bón, có thể dùng xen kẽ hoặc chuyển sang dùng thuốc kháng acid chứa magesi.

Thận trọng với tá dược:

Sản phẩm có chứa sucrose và sorbitol, vì vậy bệnh nhân có các vấn đề di truyền hiếm gặp liên quan đến sự không dung nạp fructose, kém hấp thu glucose-galatose, hoặc thiếu sucrose-isomaltase không nên dùng thuốc này. Cần thận trọng với bệnh nhân tiểu đường, thuốc có thể gây hại cho răng.

SỬ DỤNG THUỐC CHO PHỤ NỮ CÓ THAI VÀ CHO CON BÚ

Phụ nữ có thai: Các thuốc kháng acid thường được coi là an toàn, miễn là tránh dùng lâu dài với liều cao. Vì vậy, nên hỏi ý kiến bác sĩ hoặc dược sĩ trước khi dùng thuốc.

Phụ nữ cho con bú: Mặc dù một lượng nhỏ nhôm được đào thải qua sữa, nhưng nồng độ không đủ gây tác hại đến trẻ bú mẹ. Vì vậy, nên hỏi ý kiến bác sĩ hoặc dược sĩ trước khi dùng thuốc.



✓

ẢNH HƯỞNG CỦA THUỐC LÊN KHẢ NĂNG LÁI XE, VẬN HÀNH MÁY MÓC

Chưa có bằng chứng về ảnh hưởng của thuốc lên khả năng lái xe, vận hành máy móc.

TƯƠNG TÁC, TƯƠNG KỶ CỦA THUỐC

Tương tác của thuốc

Tất cả các thuốc kháng acid đều có thể làm tăng hoặc giảm tốc độ và mức độ hấp thu của các thuốc dùng đồng thời, do làm thay đổi thời gian dịch chuyển qua đường dạ dày ruột hoặc do liên kết hoặc tạo phức với thuốc. Ví dụ: tetracyclin tạo phức với các thuốc kháng acid, do vậy, dùng tetracyclin phải cách 1 – 2 giờ trước hoặc sau khi dùng các kháng acid.

Các kháng acid làm giảm hấp thu các thuốc: digoxin, indomethacin, muối sắt, isoniazid, clodiazepoxid, naproxen.

Các kháng acid làm tăng hấp thu dicumarol, pseudoephedrin, diazepam.

Các kháng acid làm tăng pH nước tiểu, làm giảm đào thải các thuốc là base yếu, tăng đào thải các thuốc là acid yếu (amphetamin, quinidin là các base yếu, aspirin là acid yếu).

Tương kỵ của thuốc

Do không có nghiên cứu về tính tương kỵ của thuốc, không trộn lẫn thuốc này với các thuốc khác.

TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN CỦA THUỐC

Cũng như tất cả các thuốc, Bostagel B dạng hỗn dịch uống có thể gây tác dụng phụ mặc dù không phải ai cũng gặp phải.

Tác dụng phụ thường gặp: Táo bón.

Hãy báo cho bác sĩ hoặc dược sĩ nếu bất kỳ tác dụng phụ nào trở nên trầm trọng hoặc nếu bạn bị bất kỳ tác dụng phụ nào mà không được nêu trong tờ hướng dẫn này.

QUÁ LIỀU VÀ CÁCH XỬ TRÍ

Quá liều

Uống nhiều thuốc có thể gây táo bón hoặc thậm chí tắc ruột. Quá liều thường gây ảnh hưởng trên những bệnh nhân suy chức năng thận.

Cách xử trí

Tích cực theo dõi để có biện pháp xử trí kịp thời.

QUY CÁCH ĐÓNG GÓI

Gói nhôm. Hộp 20 gói x 20 g.

Gói nhôm. Hộp 26 gói x 20 g.

Gói nhôm. Hộp 30 gói x 20 g.

ĐIỀU KIỆN BẢO QUẢN

Bảo quản nơi khô, dưới 30°C, tránh ánh sáng.

HẠN DÙNG

36 tháng kể từ ngày sản xuất. Không dùng thuốc quá thời hạn sử dụng.

TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG CỦA THUỐC

Theo TCCS

TÊN, ĐỊA CHỈ CỦA CƠ SỞ SẢN XUẤT

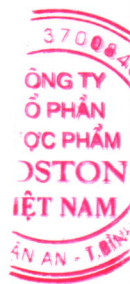
Tên cơ sở sản xuất: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BOSTON VIỆT NAM.

Địa chỉ: Số 43, Đường số 8, KCN Việt Nam - Singapore, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Điện thoại: 02743 769 606

Fax: 02743 769 601

Email: boston@bostonpharma.com.vn.



NGÀY XEM XÉT SỬA ĐỔI, CẬP NHẬT NỘI DUNG HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC

Bình Dương, ngày 06 tháng 02 năm 2018

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



TUQ.CỤC TRƯỞNG
P.TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Ngọc Anh



ĐS. ĐANG MINH ĐỨC

W